

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18-12-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hơn.

Ông Hà Công Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị D**, sinh năm: 1971; địa chỉ: 1 ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long; có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm: 1970; địa chỉ: 1 ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long; có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn là bà Trần Thị D trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2021 bà và ông Nguyễn Văn K do mai mối nên tự nguyện kết hôn với nhau, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/03/2022.

Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến mất hạnh phúc, nguyên nhân do ông K nghe lời chị em ruột của ông nên kiếm chuyện để đuổi bà ra khỏi nhà. Kể từ tháng 7 âm lịch năm 2025 đến nay bà và ông K đã sống ly thân với nhau, bà trở về gia đình bên ruột để sinh sống cho đến nay, cũng kể từ thời gian đó ông K đã cắt đứt liên lạc với bà, hai bên không có gặp gỡ để hàn gắn với nhau.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long, xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn K, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

+ Về con chung: Bà và ông K không có con chung.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn K vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và nhưng có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đề ngày 10 tháng 12 năm 2025 thể hiện ý kiến của ông như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông K đồng ý ly hôn với bà D, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với ông Nguyễn Văn K có địa chỉ tại ấp T, xã V, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Văn K có yêu cầu được giải quyết vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời bà D có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà D, ông K là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà D và ông K là phù hợp với quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận vào bảo vệ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy giữa bà D và ông K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay mà vẫn không hàn gắn được. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông K cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với bà D. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần ghi nhận. Bà D, ông K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết. .

[5] Về tài sản: Bà D, ông K đều khai không có tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ: Bà D, ông K xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

[1] *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

[2] *Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ:* Bà D, ông K không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản,

về nợ; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Trần Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010422 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà Trần Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:* Bà Trần Thị D, ông Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã V, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyên

